| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẾ PHONG**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2018/HNGĐ – ST
Ngày 05/10/2018
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Phong
*Hội thẩm nhân dân*: Ông Bùi Đình Hà và bà Lang Thủy Nhân
***- Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Q, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Bà Lô Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ, ngày 04/01/2018 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự :

**1. Nguyên đơn** : Anh Lìm Văn T, sinh năm 1978. Có mặt.
Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
**2. Bị đơn** : Chị Lữ Thị H, sinh năm 1975. Có mặt.
Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
**3. Người có quyền lợi liên quan:**
+ Ông Lữ Văn L, sinh năm 1943. Có mặt
Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
+ Bà Lô Thị H, sinh năm 1950. Có mặt.
Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mạc Thị H– chức vụ: Giám đốc chi nhánh ngân hàng và phát triển nông thôn huyện Q, Tây Nghệ An. Vắng mặt.
Địa chỉ: Khối 8, thị trấn Kim Sơn, huyện Q, tỉnh Nghệ An.
+ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Công L – chức vụ: Giám đốc Chi nhánh ngân hàng Hợp tác xã Nghệ An. Vắng mặt.
Địa chỉ: Số 223, đường Nguyễn Trãi, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
**4. Người phiên dịch**: Bà Lang Thị V, sinh năm 1979; trú tại bản P, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

***Theo đơn xin ly hôn đề ngày 03/01/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Lìm Văn T trình bày:***

**1. Về tình cảm**: Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trong thời gian chung thì xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Lữ Thị H chi tiêu, vay mượn tài sản không hỏi ý kiến chồng, vợ không tôn trọng chồng. Xét thấy tình cảm không còn nữa nên anh Lìm Văn T viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để được ly hôn với chị Lữ Thị H.

**2. Về con chung** : Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H có 02 người con chung:

- Lìm Việt U, sinh ngày 03/4/2004.
- Lìm U K, sinh ngày 16/7/2012.

Nguyện vọng của anh Lìm Văn T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Lữ Thị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về tài sản và nợ chung**: Hai vợ chồng có một ngôi nhà sàn bằng gỗ trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), Nhà bếp và công trình phụ, cổng, bời rào trị giá 210.499.470 đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng); thửa đất có diện tích 1.259,38 mét vuông trị giá 407.000.000 đồng (Bốn trăm linh bảy triệu đồng), thửa đất này có nguồn gốc là của bố, mẹ vợ là ông Lữ Văn L, bà Lô Thị H cho hai vợ chồng, hai vợ chồng đã làm thủ tục cấp sổ và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015; một bộ bàn ghế gỗ xoan trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); 01 tủ ti vy bằng gỗ Dổi trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là 1.331.499.470 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng). Anh Lìm Văn T yêu cầu chia đôi số tài sản trên cho hai vợ chồng.

Hiện nay hai vợ chồng còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 332.801.514 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm mười bốn đồng) và nợ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), số nợ trên anh Lìm Văn T sẽ trả cho Ngân hàng hợp tác xã 105.249.000 đồng, số còn lại giao cho chị Lữ Thị H có nghĩa vụ trả.

***Tại bản tự khai ngày 25/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lữ Thị H trình bày:***

**1. Về hôn nhân** : Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng xẩy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh Lìm Văn T thường xuyên đi uống rượu về đánh đập vợ. Anh Lìm Văn T viết đơn xin ly hôn, chị Lữ Thị H cũng nhất trí.

**2. Về con chung**: Hai vợ chồng có hai người con chung;

- Lìm Việt U, sinh ngày 03/4/2004.
- Lìm U K, sinh ngày 16/7/2012.

Nguyện vọng của chị Lữ Thị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Lìm Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về tài sản chung**: Hai vợ chồng có một ngôi nhà sàn bằng gỗ trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), Nhà bếp và công trình phụ, cổng, bờ rào trị giá 210.499.470 đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng); một bộ bàn ghế gỗ xoan trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); 01 tủ ti vi bằng gỗ Dổi trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Hiện nay hai vợ chồng còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 332.801.514 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm mười bốn đồng) và nợ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, tính đến hết tháng 7/2018 là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Số tài sản chung và nợ chung chị Lữ Thị H yêu cầu chia đôi cho hai vợ chồng.

Thửa đất số 07, tờ bản đồ số 17 bản N, xã C, huyện Q có diện tích 1.259,38 mét vuông trị giá 407.000.000 đồng (Bốn trăm linh bảy triệu đồng), thửa đất này là của bố mẹ đẻ của chị H là ông Lữ Văn L và bà Lô Thị H cho làm nhà ở và có nghĩa vụ phụng dưỡng ông bà. Hai vợ chồng ly hôn thì phải trả lại đất cho ông Lữ Văn L và bà Lô Thị H.

Ngoài ra chị Lữ Thị H còn kê khai hiện nay chị H còn nợ anh Nguyễn Trọng Luật, trú tại khối 5, thị trấn Kim Sơn, huyện Q 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); nợ ông Vi Văn Sâm, trú tại bản Mòng 1, xã C, huyện Q 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); nợ bà Lang Thị Phong, trú tại bản Mòng 1, xã C, huyện Q 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); nợ anh Lô Văn T, trú tại khối 7, thị trấn Kim Sơn, huyện Q 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đây là khoản nợ riêng của chị H. Anh Nguyễn Trọng Luật, ông Vi Văn Sâm, bà Lang Thị Phong, anh Lô Văn T trình bày đây là nợ riêng của chị H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bản tự khai ngày 17/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi liên quan ông Lữ Văn L trình bày***:

Năm 1978 ông Lữ Văn L và bà Lô Thị H khai Hng thửa đất tại bản N, xã C, huyện Q. Năm 2004 hai vợ chồng T – H làm nhà, nhưng không có đất nên ông Lữ Văn L, bà Lô Thị H cho làm nhà ở với điều kiện không được bán, cầm cố, trao đổi khi chưa có ý kiến của ông Lữ Văn L; hai vợ chồng phải sống hạnh phúc, nếu vợ chồng ly hôn thì ông L sẽ lấy lại thửa đất. Hiện nay hai vợ chồng ly hôn ông Lữ Văn L yêu cầu anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H trả lại đất cho ông sử dụng.

***Bản tự khai đề ngày 17/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi liên quan bà Lô Thị H trình bày:***

Bà Lô Thị H và ông Lữ Văn L cho hai vợ chồng anh Lìm Văn T, chị Lữ Thị H làm nhà ở tại bản N, xã C, huyện Q. Thửa đất này do ông L và bà H khai Hng; nếu hai vợ chồng không ly hôn thì mới cho còn ly hôn thì trả lại đất cho bà được sử dụng.

***Tại công văn số 51/CV/NHHT-NNNA ngày 19/01/2018 và công văn ngày 30/7/2018 của Ngân hàng hợp tác xã là người có quyền lợi liên quan trình bày:***

Anh Lìm Văn T có ký hợp đồng tín dụng số TD55200032 ngày 05/12/2017 với Ngân hàng hợp tác xã, tại chi nhánh Nghệ An; số dư nợ gốc là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng). Đây là khoản vay đối với cán bộ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước; anh Lìm Văn T hiện là giáo viên đang công tác tại trường Trung học cơ sở C, huyện Q. Căn cứ vào hợp đồng thì nguồn trả nợ của khoản vay là từ lương và các khoản thu nhập

của anh Lìm Văn T. Ngân hàng hợp tác xã đề nghị Tòa án phân chia toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho cá nhân anh Lìm Văn T để tiếp tục thực hiện trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng.

***Tại công văn số 18/NHNOQO-KHKD ngày 10/7/2018 và công văn số 27/NHNNOQP ngày 31/7/2018 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi liên quan trình bày:***

Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 3614LAV2017XU2803 ngày 28 tháng 3 năm 2017, số nợ gốc là 332.801.514 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm mười bốn đồng). Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn yêu cầu anh Lìm Văn T, chị Lữ Thị H phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trước thời hạn; nếu anh Lìm Văn T, chị Lữ Thị H chưa thanh toán hết nợ thì đề nghị Tòa án chưa cho anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, các đương sự, thẩm phán, thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghỉ nghị án, thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho anh Lìm Văn T được ly hôn với chị Lữ Thị H; Giao cháu Lìm Việt U cho anh Lìm Văn T trực tiếp nuôi; giao cháu Lìm U K cho chị Lữ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lữ Thị H và anh Lìm Văn T.

Tài sản chung: Bác yêu cầu trả lại đất của ông Lữ Văn L và bà Lô Thị H.

Số tài sản và nợ chung đề nghị chia đôi cho hai vợ chồng; Anh Lìm Văn T, chị Lữ Thị H, ông Lữ Văn L, bà Lô Thị H là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị miễn tiền án phí cho các đương sự; Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

**1. Về tố tụng:** Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đề nghị xét xử vắng mặt; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**2. Về hôn nhân** : Quan hệ hôn nhân giữa anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, mỗi người có một lối sống riêng, một cách sống riêng; hai vợ chồng đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Lìm Văn T yêu cầu được ly hôn, chị Lữ Thị H cũng nhất trí. Sự thỏa thuận ly hôn của các đương sự là tự nguyện không vi phạm pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H.

**3. Về con chung**: Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H có hai người con chung tên là Lìm Việt U, sinh ngày 03/4/2004 và Lìm U K, sinh ngày 16/7/2012. Nguyện vọng của anh Lìm Văn T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai

người con chung và không yêu cầu chị Lữ Thị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lìm Việt U có nguyện vọng được ở với bố. Chị Lữ Thị H có nguyện vọng được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Lìm Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H đều có nguyện vọng được nuôi con chung và hai bên đều có điều kiện để chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, cháu Lìm Việt U có nguyện vọng được ở với bố. Nên cần giao cháu Lìm Việt U cho anh Lìm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lìm U K cho chị Lữ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 luật hôn nhân và gia đình quy định "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con".Anh Lìm Văn T không yêu cầu chị Lữ Thị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; chị Lữ Thị H cũng không yêu cầu anh Lìm Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Việc anh T và chị H không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, nên cần tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Lữ Thị H và anh Lìm Văn T.

**4. Về tài sản chung và nợ chung**: Hai vợ chồng thỏa thuận tài sản chung gồm: Một ngôi nhà sàn bằng gỗ trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), Nhà bếp và công trình phụ, cổng, bời rào trị giá 210.499.470 đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng); một bộ bàn ghế gỗ xoan trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); 01 tủ ti vi bằng gỗ Dổi trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Hiện nay hai vợ chồng còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 332.801.514 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm mười bốn đồng) và nợ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Riêng về thửa đất số 07, tờ bản đồ số 17 các bên đương sự không thống nhất được với nhau; anh Lìm Văn T cho rằng thửa đất là do bố, mẹ vợ cho hai vợ chồng và hai vợ chồng đã làm nhà ở ổn định, liên tục, đã làm thủ tục kê khai, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015; đây là tài sản chung của hai vợ chồng. Ông Lữ Văn L, bà Lô Thị H, chị Lữ Thị H cho rằng thửa đất số 07, tờ bản đồ số 17 tại bản N, xã C, huyện Q là thửa đất của ông L, bà H cho các con làm nhà ở có điều kiện; nếu hai vợ chồng anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H không ly hôn thì cho, còn ly hôn thì phải trả lại cho ông L và bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Lữ Văn L, bà Lô Thị H, chị Lữ Thị H không chứng minh được điều kiện tặng cho tài sản. Anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H làm nhà ở kiên cố trên diện tích đất đó không có ai phản đối; hai vợ chồng đã sử dụng nhà, đất liên tục, công khai, ổn định, đã tiến hành việc kê khai đất và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015, nên cần công nhận thửa đất là tài sản chung của anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H.

Về phân chia tài sản chung cần khấu trừ số tiền nợ chung và chia đôi cho hai vợ chồng. Ngân hàng Hợp tác xã yêu cầu anh Lìm Văn T trả nợ nên cần chấp nhận; anh Lìm Văn T không lấy nhà nên giao lại toàn bộ nhà và một phần đất ở có nhà cho chị Lữ Thị H, chị Lữ Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và trích chênh lệch chia tài sản cho anh Lìm Văn T. Giao cho anh Lìm Văn T một bộ bàn ghế gỗ xoan trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); 01 tủ ti vi bằng gỗ Dổi trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và một phần đất chưa có nhà từ mỗ

cầu treo đến giáp ngôi nhà bếp với chiều dài mặt đường 9 mét, trị giá 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H trả nợ trước thời hạn; nếu không trả thì chưa cho ly hôn. Ngân hàng không có quyền cho anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H ly hôn hay không mà việc ly hôn phải căn cứ vào luật hôn nhân và gia đình để giải quyết. Tòa án chỉ giải quyết ai là người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Trọng Luật cho chị Lữ Thị H vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ông Vi Văn Sâm cho chị Lữ Thị H vay 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); bà Lang Thị Phong cho chị Lữ Thị H vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); anh Lô Văn T cho chị Lữ Thị H vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đây là khoản tiền nợ riêng của chị H, anh Nguyễn Trọng Luật, ông Vi Văn Sâm, bà Lang Thị Phong, anh Lô Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu, sẽ xem xét và giải quyết bằng một vụ án khác.

**6. Về án phí và lệ phí:**

Anh Lìm Văn T, chị Lữ Thị H, ông Lữ Văn L, bà Lô Thị H là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

Tại khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu một nửa chi phí xem xét thẩm định tại chỗ". Trong vụ án này thuộc trường hợp cả hai thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu một nửa chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản của họ được chia". Trong vụ án này nguyên đơn và bị đơn được chia đều phần tài sản, nên mỗi bên đương sự phải chịu một nửa chi phí định giá tài sản".

Vì các lẽ trên :

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 58; 59; 60; 62; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành theo quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố án lệ. Điều 17 Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử: 1. Về hôn nhân**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H.

**2. Về con chung :** Giao con chung tên là Lìm Việt U, sinh ngày 03/4/2004 cho anh Lìm Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2018 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao con chung tên là Lìm U K, sinh ngày 16/7/2012 cho chị Lữ Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 10/2018 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lữ Thị H và anh Lìm Văn T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:**

Bác yêu cầu trả lại đất của ông Lữ Văn L và bà Lô Thị H.

Xác nhận tài sản chung của anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H gồm: Một ngôi nhà sàn bằng gỗ trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), Bếp và công trình phụ, cổng, bời rào trị giá 210.499.470 đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng); thửa đất có diện tích 1.259,38 mét vuông trị giá 407.000.000 đồng (Bốn trăm linh bảy triệu đồng); một bộ bàn ghế gỗ xoan trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); 01 tủ ti vy bằng gỗ Dổi trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là 1.331.499.470 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng).

Tài sản chung của anh Lìm Văn T và chị Lữ Thị H được chia như sau:

Chị Lữ Thị H được sở hữu một ngôi nhà sàn bằng gỗ trị giá 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), Nhà bếp, công trình phụ, cổng, bờ rào trị giá 210.499.470 đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) nằm trên thửa đất số 07, tờ bản đồ số 17 tại bản N, xã C, huyện Q. Chị Lữ Thị H được sử dụng một phần đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 17 tại bản N, xã C, huyện Q, có tứ cận phía Đông giáp vườn ông Lữ Văn L rộng 27,8 mét; phía Tây giáp đường tỉnh lộ dài 31,7 mét; phía Nam giáp nhà anh Lô Văn Thành dài 39 mét; phía Bắc giáp đất của anh Lìm Văn T dài 26 mét; trị giá thửa đất là: 317.000.000 đồng (Ba trăm mười bảy triệu đồng).

Chị Lữ Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 3614LAV2017XU2803 ngày 28 tháng 3 năm 2017; số dư nợ gốc là 332.801.514 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm linh một nghìn năm trăm mười bốn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Chị Lữ Thị H có nghĩa vụ trích chênh lệch chia tài sản chung cho anh Lìm Văn T là: 434.344.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Anh Lìm Văn T có quyền sử dụng một phần đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 17 tại bản N, xã C, huyện Q, có tứ cận; phía Đông giáp vườn ông Lữ Văn L rộng 09 (Chín) mét; phía Tây giáp đường tỉnh lộ rộng 09 (Chín) mét; phía Nam giáp nhà chị Lữ Thị H dài 26 mét; phía Bắc giáp đất của bà Nguyễn Thị Hiền dài 26 mét; trị giá thửa đất là: 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

Anh Lìm Văn T được sở hữu một bộ bàn ghế gỗ xoan trị giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); 01 tủ ti vi bằng gỗ Dổi trị giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và được sở hữu tiền trích chênh lệch chia tài sản chung với chị Lữ Thị H là: 434.344.000 đồng (Bốn trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Anh Lìm Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng hợp tác xã theo hợp đồng tín dụng số TD55200032 ngày 05/12/2017; với số dư nợ gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

**4. Về án phí và lệ phí** : Anh Lìm Văn T, chị Lữ Thị H, ông Lữ Văn L và bà Lô Thị H là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

Nguyên đơn anh Lìm Văn T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh Lìm Văn T đã nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền tạm ứng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; bị đơn chị Lữ Thị H phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị Lữ Thị H có nghĩa vụ trả lại cho anh Lìm Văn T 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Lìm Văn T; bị đơn chị Lữ Thị H; người có quyền lợi liên quan có mặt ông Lữ Văn L, bà Lô Thị H, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Q;*
*- Chi cục THADS huyện Q*
*- UBND xã C.*
*- Lưu hồ sơ, văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**